TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/KDTM-PT
Ngày: 29/07/2020.
V/v: tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Ông Trần Văn Lừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 127/2020/KTPT ngày 28/4/2020 việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2020/QĐXX-PT ngày 08/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2020/QĐ-HPT ngày 17/7/2020 giữa:

* *Nguyên đơn:* Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ xây dựng T ; Có trụ sở tại: số 58/11 Quốc lộ 1A, ấp T , xã B , huyện H , thành phố H ; Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thúy N, chức vụ: giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV P .

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lê Huy C, sinh năm 1995, có địa chỉ tại: P1204, CT12C, Khu đô thị K – K , phường Đ, quận H , Hà Nội. Ông C có mặt.

* *Bị đơn:* Công ty CP kỹ thuật nền móng và M ; Có trụ sở: số 61E L, phường L1, quận Đ , H ; Người đại diện theo theo pháp luật: ông Nguyễn Gia H, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, chức vụ: cán bộ pháp chế của Công ty; Trú tại: thôn 1, xã Đông P, huyện C, H. Bà L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T (sau đây gọi tắt là Công ty Tân A) và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Công ty Kỹ thuật

Nền móng và x (sau đây gọi tắt là L20) có ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT-2011 ngày 20/03/2011 và phụ lục hợp đồng về việc cho thuê thiết bị xây dựng tại công trình trụ sở làm việc Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại số 268 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở hợp đồng được ký kết giữa các bên, Công ty Tân A đã cho thuê thiết bị xây dựng và xuất hóa đơn cho L20 như sau:

Ngày xuất hóa đơn	**Số hóa đơn**	**Giá trị hóa đơn**
24/03/2011	0033050	28.047.800 đ
03/05/2011	0000039	36.110.963 đ
04/06/2011	0000023	61.201.330 đ
04/07/2011	0000051	40.731.777 đ
01/08/2011	0000069	37.147.194 đ
03/09/2011	0000099	52.845.561 đ
05/09/2011	0000101	39.974.814 đ
03/10/2011	0000120	33.551.166 đ
04/10/2011	0000121	54.886.277 đ
01/11/2011	0000137	33.794.259 đ
03/11/2011	0000147	73.905.183 đ
06/12/2011	0000184	30.724.174 đ
08/12/2011	0000186	54.926.609 đ
06/01/2012	0000215	65.003.964 đ
07/01/2012	0000216	14.765.146 đ
04/05/2012	0000276	92.612.324 đ
30/05/2012	0000282	79.545.532 đ
06/06/2012	0000288	38.577.338 đ
07/06/2012	0000289	73.587.767 đ
08/06/2012	0000290	59.532.275 đ
Tổng cộng		**1.001.471.453 đ**

L20 đã thanh toán như sau cho Công ty Tân A :

Ngày 04/11/2013, Bộ Xây dựng đã ký Quyết định số 1127/QĐ-BXD về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Kỹ thuật nền móng và X thành Công ty cổ phần. Ngày 04/12/2014, Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và X (L20) được thành lập.

Sau thời điểm thành lập, L20 đã tiếp tục thanh toán cho Công ty Tân A vào ngày 13/02/2018 với số tiền là 30.000.000 đồng.

Thời gian	Giá trị thanh toán
26/04/2011	28.017.800 đ
03/06/2011	36.110.963 đ
23/06/2011	30.000.000 đ
19/07/2011	40.000.000 đ
16/09/2011	68.348.524 đ
25/10/2011	50.000.000 đ
19/01/2012	30.000.000 đ
28/08/2012	20.000.000 đ
31/08/2012	50.000.000 đ
08/02/2013	50.000.000 đ
22/01/2014	20.000.000 đ
Tổng cộng	**422.507.287 đ**

Ngày 27/11/2013, đại diện Công ty Tân A và đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng của L20 là ông Phan Doãn H - Chỉ huy trưởng công trình, thực hiện ký đối chiếu công nợ. Theo đó, xác nhận số nợ đến hết ngày 27/11/2013 là 598.964.166 đồng.

Sau thời điểm đối chiếu ký công nợ, thanh toán thêm số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 22/01/2014 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 13/02/2018 thanh toán tiếp số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, tính tới thời điểm hiện tại L20 phải thanh toán cho Công ty Tân A số tiền là 548.964.166 đồng.

Công ty Tân A đã rất nhiều lần gửi văn bản đề nghị L20 thanh toán dứt điểm nhưng L20 vẫn không thực hiện trách nhiệm thanh toán của mình. Do vậy, Công ty Tân A khởi kiện để nghị Tòa án xét xử buộc L20 phải thanh toán cho Công ty Tân A toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 27/11/2013 đến ngày xét xử vụ án, cụ thể: tiền nợ gốc là 548.964.166 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 27/11/2013 đến ngày 31/05/2018 theo mức lãi suất 9%/năm - lãi quá hạn là 13,5%/năm là 356.357.270 đồng; Tổng cộng là 905.321.436 đồng.

2. Bị đơn là Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và X (L20) trình bày:

Ngày 20/03/2011, Công ty Tân A và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Công ty Kỹ thuật nền móng và X - nay là Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và X (gọi tắt là L20) đã ký kết hợp đồng số 02/HĐKT-2011 về việc cho thuê thiết bị xây dựng phục vụ cho công trình trụ sở làm việc Công an Thành phố Hồ Chí Minh địa chỉ tại số 268 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung trong hợp đồng, L20 có ủy quyền cho ông Phan Doãn H - Chỉ huy trưởng công trình thi công nhà A - thương thảo, thực hiện hợp đồng và có trách

nhiệm trực tiếp xác nhận và đề xuất trực tiếp với Công ty trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và trong nội dung hợp đồng kinh tế đã ghi rõ, đó là "về việc: Cho thuê thiết bị xây dựng".

Trong Điều III của hợp đồng hai bên ký kết đã nêu rõ cơ sở thanh toán:

- Hồ sơ thanh toán gồm hóa đơn Giá trị gia tăng theo quy định, bản xác nhận khối lượng thuê có xác nhận của chỉ huy trưởng công trường và Giám đốc hai bên cùng ký.

- Hồ sơ thanh toán phải được chỉ huy trưởng công trình đề xuất với Công ty để được thanh toán.

Sau khi xem xét, nghiên cứu hồ sơ thanh quyết toán giữa hai bên, Công ty nhận thấy có sự việc như sau: Trong Điều III của hợp đồng đã ký kết nêu ở trên để đủ hồ sơ thanh toán thì tất cả các bản xác nhận khối lượng thuê phải có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trình và Giám đốc hai bên cùng ký.

Hiện tại Công ty đề nghị bên nguyên đơn cung cấp đầy đủ, hoàn chỉnh hồ sơ, giấy tờ dữ liệu cho bên bị đơn và Tòa án đúng như hợp đồng đã ký kết.

Trong hóa đơn các số 0000289 (ngày 07/06/2012), 0000282 (ngày 30/05/2012), 0000288 (ngày 06/06/2012) và 0000290 (ngày 08/06/2012) kèm theo các biên bản xác nhận khối lượng đã thuê giữa hai bên là hoàn toàn không có sự thật. Đây là hồ sơ do bên Công ty Tân A tự tạo ra để làm thanh toán. Tại L20 hoàn toàn không có hồ sơ nào thể hiện sự việc đó. Do vậy, Công ty không chấp nhận hồ sơ trên. Đó là hồ sơ tự tạo, không có thật mà bên Công ty Tân A cung cấp và có nói rằng đó là vật tư hư hỏng, mất mát. Đề nghị Tòa án làm rõ vấn đề này. Vì lý lẽ trên mà hiện tại Công ty không đủ điều kiện thanh quyết toán với Công ty Tân A .

Đề nghị Công ty Tân A hoàn chỉnh hồ sơ giấy tờ đầy đủ đúng như trong hợp đồng đã ký kết và đơn vị sẽ thanh toán cho Quý công ty khi hoàn thiện đầy đủ xong hồ sơ.

Lẽ ra vụ việc đã được thanh toán cuối năm 2018 nhưng vì lý do văn bản hai bên chưa đồng nhất ý kiến cùng với việc L20 gặp khó khăn về tài chính nên chưa thực hiện được. Nay L20 cố gắng tháo gỡ khó khăn để thanh toán công nợ cho Tân An Phát với số tiền 281.000.000 đồng (tiền thuê thiết bị), số tiền được thanh toán trong thời gian 03 tháng (hết tháng 6/2019).

Bị đơn đề nghị Tòa đưa ông Phan Doãn H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Tân A đã xuất 20 hoá đơn giá trị gia tăng, tuy nhiên trong 20 hóa đơn có 10 hóa đơn có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trường hoặc Giám đốc hai bên. Như vậy, 10 hóa đơn không có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trường hoặc Giám đốc hai bên theo quy định của BLDS năm 2005 thì nó không phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết. Đối với 10 hóa đơn có xác nhận thì có một số lần bảng kê thuê thiết bị không phù hợp nên chưa đủ điều kiện để thanh toán. Căn cứ vào những hóa đơn đủ điều kiện để thanh toán và số tiền L20 đã thanh toán thì giá trị thanh toán đã vượt quá, cụ thể: số tiền đã thanh toán 452.507.287 đồng - số tiền đủ điều kiện thanh toán 329.306.457 đồng = 123.200.830 đồng.

Nguyên đơn căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 có chữ ký của ông Phan Doãn H để xác định Công ty L20 phải thanh toán số tiền theo đơn khởi kiện là chưa đủ điều kiện vì nó không thể hiện đúng nội dung công việc theo Hợp đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLDS năm 2005 về việc: Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện...Do vậy, Biên bản đối chiếu công nợ thể hiện việc xác nhận vượt quá phạm vi ủy quyền nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán và không có căn cứ xác định thời điểm tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án Công ty L20 không có yêu câu phản tố về số tiền thanh toán vượt quá.

Tại bản án sơ thẩm số 105/2019/DSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T đối với Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng xây dựng 20.

- Buộc Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng x phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T số tiền nợ chưa thanh toán (tiền thuê thiết bị xây dựng, tiền thiết bị bị mất, hư hỏng), tiên lãi phát sinh tổng số tiền 1.000.418.000 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu câu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 08/1/2020 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với các lý do sau:

+ Nguyên đơn chỉ căn cứ vào hóa đơn GTGT để xác định phát sinh nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu thanh toán số tiền 598.964.166 đồng là trái với thỏa thuận tại Điều III của hợp đồng số 02 ngày 20/3/2011;

+ Nguyên đơn căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 có chữ ký tên Phan Doãn H (Đội thi công) để xác định L20 phải thanh toán số tiền 598.964.166 đồng và xác định thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 28/11/2013 là chưa phù hợp;

+ Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá và sử dụng các tài liệu do ông Phan Doãn H xác lập vượt quá phạm vi ủy quyền của bị đơn theo hợp đồng thuê tài sản với nguyên đơn để làm căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh cho nguyên đơn. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Phan Doãn H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là thiếu sót, dẫn đến không làm rõ được các tình tiết liên quan đến việc ông Phan Doãn H thay mặt bị đơn thực hiện hợp đồng thuê tài sản với nguyên đơn đã ký tá, giao dịch vượt quá phạm vi được bị đơn ủy quyền cũng như chưa xác thực được căn cứ thể hiện giá trị đã thực hiện, chưa thực hiện của hợp đồng, thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán, thời điểm tính lãi…Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm của

Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: các bên đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn vân giữ yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Bị đơn xác nhận 02 bên chỉ có ký hợp đồng kinh tế này mà thôi và đã xảy ra tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích đã kết luận và đề nghị: xác định biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 do ông H ký là đúng thẩm quyền và hợp lệ. Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản. Bị đơn là Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và X ; có địa chỉ trụ sở tại: số 61E L, phường L1, quận Đ, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ngày 20/3/2011, Công ty Tân A và Công ty L20 có ký kết Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT-2011, phụ lục hợp đồng, nội dung: Công ty Tân A cho Công ty L20 thuê thiết bị xây dựng (Panel, xà gồ, chốt A....) để thi công công trình xây dựng trụ sở Công an thành phố Hồ Chí Minh (có địa chỉ tại: số 268 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh); hai bên thỏa thuận về giá trị hợp đồng, phương thức giao nhận, phương thức và thời gian thanh toán....

Xét nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của của các bên. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty Tân A đã cho Công ty L thuê các thiết bị xây dựng đồng thời xuất hóa đơn xác định khối lượng thiết bị cho thuê và giá trị thanh toán tiền. Ngày 27/11/2013, giữa hai Công ty đã có bảng đối chiếu xác nhận công nợ, cụ thể: tổng số tiền Công ty Tân A xuất theo hóa đơn có giá trị 1.001.471.453 đồng; số tiền Công ty L đã thanh toán là 402.507.287 đồng; số tiền còn nợ chưa thanh toán 598.964.166 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ Công ty L đã

thanh toán tiếp số tiền 50.000.000 đồng.

- Căn cứ vào nội dung Hợp đồng hai bên ký kết, phía Công ty L đã ủy quyền cho ông H - Chỉ huy trưởng công trình thực hiện Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng L20 đã thuê thiết bị xây dựng và thanh toán một phần tiền cho Công ty Tân A . Ngày 27/11/2013, hai bên có bảng đối chiếu công nợ và L20 tiếp tục thanh toán trả thêm một phần tiền (50.000.000 đồng). Do vậy, Công ty Tân A khởi kiện Công ty L20 đòi số tiền còn lại chưa thanh toán là có căn cứ.

Tại Công văn số 217 ngày 28/9/2018 và Công văn số 242 ngày 31/10/2018 đại diện Công ty L20 (Tổng giám đốc) có quan điểm: Xác nhận số nợ thuê thiết bị theo Hợp đồng còn lại là 281.509.000 đồng và sẽ trả cho Công ty Tân A chia đều cho 04 tháng bắt đầu từ tháng 10/2018. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhiều lần xin thỏa thuận, xin được trả sô tiền thuê thiết bị 281.000.000 đồng và khẳng định có ủy quyền cho ông H thực hiện Hợp đồng, xác nhận, đề xuất với Công ty trong quá trình thực hiện hợp đồng. Như vậy, việc ông H ký đối chiếu công nợ là hoàn toàn đúng quy định. Đại diện bị đơn còn cho rằng nhiều bảng xác nhận khối lượng không có chữ ký của Chỉ huy trưởng công trình, chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Văn N , ông N là ai? Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn xác nhận ông N là người làm dưới quyền ông H . Tại bút lục số 70 (bảng xác nhận khối lượng) bên thuê hàng là ông Nguyễn Văn N và bên cạnh có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Giám đốc Nguyễn Gia Huy. Như vậy, ông N là nhân viên của bị đơn và việc ký xác nhận khối lượng là xuất phát từ việc giao của công ty, bảng xác nhận khối lượng và các hóa đơn xuất của nguyên đơn là phù hợp.

Đối với số tiền thiết bị bị mất, bị hư hỏng: ngày 28/3/2013, giữa Công ty Tân A và Công ty L20 có ký xác nhận bảng tính thanh lý thiết bị còn lại và số tiền phải bồi thường 267.455.100 đồng, người ký xác nhận bên thuê là ông Phan Doãn H là Chỉ huy trưởng công trình và số tiền này được xuất hóa đơn nằm trong khoản tiền đã được đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền thuê thiết bị còn nợ và số tiền thiết bị bị mất, hư hỏng với tổng số tiền 548.964.166 đồng là có căn cứ. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2012 ông H ký là đúng thẩm quyền được giao nên có giá trị pháp lý.

Về yêu cầu tính lãi: căn cứ Điều 306 Luật thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi do bị đơn chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Lãi suất áp dụng mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm (mức lãi suất cho vay trung hạn), cụ thể: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 11%/năm; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam 10,5%/năm; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn 9,5%/năm. Như vậy, lãi suất trung bình của liên ngân hàng là 10,3%/năm và lãi suất quá hạn = 150% x l0,3%/năm = 15,45%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 09%/năm và lãi suất nợ quá hạn 150% của 09% = 13,5%/năm. Xét đề nghị của đại diện nguyên đơn là phù hợp và cần ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn. Do đó, xác định thời điểm tính lãi chậm thanh toán là từ ngày chốt công nợ (ngày 27/11/2013) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/12/2019), cụ thể số tiền lãi là: 548.964.166 đồng x 13,5%/năm x (06 năm 01 tháng 03 ngày) =

451.453.834 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi phát sinh buộc bị đơn Công ty L20 phải thanh toán trả cho nguyên đơn Công ty Tân A là 1.000.418.000 đồng như án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

- Xét ý kiến của bị đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Phan Doãn H – là chỉ huy trưởng công trường vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót dẫn đến không làm rõ được các tình tiết liên quan đến việc ông H thay mặt bị đơn tham gia thực hiện hợp đồng thì thấy: theo hợp đồng thì Công ty L20 đã ủy quyền cho ông Phan Doãn H - Chỉ huy trưởng công trường thay mặt công ty thực hiện Hợp đồng, xác nhận, đề xuất với Công ty trong quá trình thực hiện hợp đồng. Như vậy, ông H là người đại diện thay mặt cho Công ty L20 thực hiện hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT-2011 ngày 20/3/2011. Do đó, không có căn cứ xác định ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 24, Điều 4, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 105/2019/DS-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T đối với bị đơn là Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng x theo Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT-2011 ngày 20/3/2011và phụ lục hợp đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng x phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T số tiền tính đến ngày 30/12/2019 là:

- Nợ gốc là 548.964.166 đồng;

- Lãi chậm thanh toán là 451.453.834 đồng;

Tổng cộng là 1.000.418.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn là Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng x phải chịu án phí sơ thẩm là 42.012.000 đồng và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 9907 ngày 21/2/2020 tại Chi cục thi hành án quận Đ , thành phố Hà Nội; Còn phải chịu 42.012.000 đồng.

Hoàn trả Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ xây dựng T số tiền 19.580.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000566 ngày 14/8/2018 tại Chi cục thi hành án quận Đ , thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/07/2020.

Nơi nhận:
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Minh Thành